

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LAI CHÂU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **65** /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **09** tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các dự án, công trình phải chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh; điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình đã được HĐND tỉnh chấp thuận giai đoạn 2016-2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 4425/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các dự án, công trình phải chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 608/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các dự án, công trình phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2023 trên địa bàn tỉnh; điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình đã được HĐND tỉnh chấp thuận giai đoạn 2016 -2021, như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi để thực hiện 75 dự án, công trình với diện tích đất dự kiến là 360,26 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 180.330 triệu đồng (*Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo*).

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 71 dự án, công trình với diện tích đất dự kiến là 119,11 ha, gồm: Đất trồng lúa 76,47 ha, đất rừng phòng hộ 42,64 ha (*Chi tiết có Biểu số 02 kèm theo*).

3. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình đã được HĐND tỉnh chấp thuận thông qua trong giai đoạn 2016-2021, cụ thể:

a) Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất để thực hiện 171 dự án, công trình với diện tích 577,779 ha (*Chi tiết có Biểu số 03 kèm theo*).

b) Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 23 dự án, công trình với diện tích 43,047 ha, gồm: Đất trồng lúa 14,377 ha, đất rừng phòng hộ 28,06 ha, đất rừng đặc dụng 0,61 ha (*Chi tiết có Biểu số 04 kèm theo*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với các dự án, công trình phải thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất mà có rừng thì đề nghị UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ

Biểu số 01



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Lai Châu)

STT	Đanh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác	
	Tổng cộng: 75 công trình, dự án		360,26	25,82	9,67		324,77	180.330
I	Huyện Than Uyên (19)		52,88	4,90	1,00		46,98	19.510
I.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		51,61	4,50	1,00		46,11	19.510
1	Hạ tầng đô thị thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	15,75	3,70	1,00		11,05	15.000
2	Nâng cấp đường Mường Kim - Tà Mung gắn với đường sản xuất khu Nà Phạ xã Mường Kim, huyện Than Uyên	Các xã: Mường Kim; Tà Mung	13,20	0,23			12,97	
3	Đường giao thông vùng cây gỗ lớn các xã Mường Mít, Ta Gia	Các xã: Mường Mít; Ta Gia	1,20	0,04			1,16	Hiển đất
4	Đường giao thông vùng Quế các xã Mường Mít, Mường Kim, Ta Gia huyện Than Uyên	Các xã: Mường Mít; Mường Kim; Ta Gia	1,20	0,05			1,15	Hiển đất
5	Đường giao thông vùng Quế các xã Mường Kim, Ta Gia huyện Than Uyên	Các xã: Mường Kim; Ta Gia	1,75	0,15			1,60	Hiển đất
6	Đường giao thông vùng Chè xã Mường Kim, Tà Mung huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	Các xã: Mường Kim; Tà Mung	6,33	0,13			6,20	Hiển đất
7	Đường giao thông vùng Chè xã Ta Gia, Khoen On huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	Các xã: Ta Gia; Khoen On	4,50	0,10			4,40	Hiển đất
8	Đường giao thông vùng Chè xã Pha Mu, Tà Hừa huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	Các xã: Tà Hừa; Pha Mu	4,80				4,80	Hiển đất
9	Đường sản xuất bản Noong Quài, kè sạt lở đường Huổi Cày, xã Ta Gia, huyện Than Uyên	Xã Ta Gia	1,80	0,10			1,70	Hiển đất
10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32), xã Mường Than, huyện Than Uyên (Giai đoạn 2)	Xã Mường Than	0,08				0,08	700

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác	
11	Cải tạo nâng cấp khuôn viên hồ giai đoạn 5; lát gạch hành lang 1 số tuyến đường thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	0,96				0,96	3.510
12	Chợ xã Tà Mung, huyện Than Uyên	Xã Tà Mung	0,04				0,04	300
I.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		1,27	0,40			0,87	
13	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA Bản Đông, Hua Nà và mở rộng phạm vi cấp điện cho TBA Than Uyên 2.2, huyện Than Uyên năm 2019	Các xã: Hua Nà; Mường Than và thị trấn Than Uyên	0,24	0,08			0,16	
14	Cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai châu	Các xã: Mường Than; Phúc Than và thị trấn Than Uyên	0,07	0,03			0,04	
15	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Than Uyên 2.1, Sám Sầu, Ẽn Nội và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA Than Uyên 1, Than Uyên 3, huyện Than Uyên năm 2020	Các xã: Phúc Than; Mường Than và thị trấn Than Uyên	0,42	0,12			0,30	
16	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Bản Khoang, Bản Vè, Kẽm Quang, huyện Than Uyên năm 2020	Xã Mường Mít	0,15	0,05			0,10	
17	Xuất tuyến 35kV lộ 373E29.2 than uyên và cải tạo đường dây 35kV Than uyên - Mường Mít	Các xã: Mường Mít; Phúc Than	0,36	0,12			0,24	
18	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên và huyện Than Uyên năm 2021	Các xã: Mường Kim; Mường Than; Tà Mung; Khoen On	0,02				0,02	
19	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực than uyên năm 2022	Các xã: Mường Kim; Phúc Than; Hua Nà; Tà Hừa; Ta Gia; Khoen On và thị trấn Than Uyên	0,01				0,01	
II	Huyện Tân Uyên (9)		32,82	8,69			24,13	41.270
II.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		31,58	8,40			23,18	41.270
1	Sân vận động xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	0,87	0,20			0,67	820
2	Nâng cấp khu văn hóa thể thao xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa	0,98				0,98	300

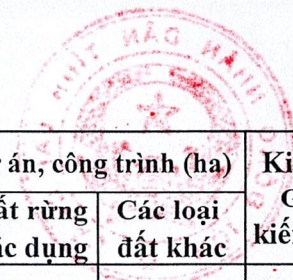


STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác	
3	Đường tránh thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Xã Trung Đồng và thị trấn Tân Uyên	29,35	7,90			21,45	40.000
4	Xây dựng đường liên bản xã Hố Mít, huyện Tân Uyên	Xã Hố Mít	0,38	0,30			0,08	150
II.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		1,24	0,29			0,95	
5	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên năm 2023	Xã Trung Đồng và thị trấn Tân Uyên	0,17	0,03			0,14	
6	Xây mới Bưu điện huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,24				0,24	
7	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho TBA Mường Khoa 2 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Đội 6, CQT Tầng Đán, Thân Thuộc 3, TTHC2, Đội 3, Đội 5, CQT Đội 3, Hua Chăng, Tà Mít, huyện Tân Uyên năm 2019	Các xã: Mường Khoa; Thân Thuộc; Tà Mít và thị trấn Tân Uyên	0,40	0,16			0,24	
8	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Pắc Lý, CQT Thân Thuộc 1, Thanh Sơn, Bản Cả, Mường Khoa 5 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Hua Ngò, TĐC Nà Cóc, TĐC Hồ Be, huyện Tân Uyên năm 2019	Các xã: Pắc Ta; Mường Khoa; Nậm Sỏ và thị trấn Tân Uyên	0,42	0,10			0,32	
9	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 Tân Uyên - Hua Sỏ lộ 372-E29.2)	Thị trấn Tân Uyên	0,01				0,01	
III	Huyện Tam Đường (4)		30,20	2,59			27,61	
III.1	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		30,20	2,59			27,61	
1	Xây dựng công trình khai thác và chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu (phần mỏ tuyển)	Xã Bản Hòn	29,32	2,31			27,01	
2	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Tái định cư, Huổi Ke, Tiên Bình, Cò Lá huyện Tam Đường năm 2019	Các xã: Bản Bọ; Bình Lư; Sơn Bình; Hồ Thầu và thị trấn Tam Đường	0,50	0,17			0,33	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác	
3	Chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 8A, Bản Mới, Phan Lin, Chợ Nậm Loỏng, TĐC 1.1, Sùng Chô, Sùng Phài, Tả Sin Chải, Bản Lùng Cù, Bản cu Ty	Các xã: Nùng Nàng; Bản Giang	0,28	0,06			0,22	
4	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Bản Mới, Tả Sin Chải, TĐC 1.1, KDC số 1 GĐ2, KDC số 2, Lao Tý Phùng, Sùng Phài B, Lán Nhì Thàng, Nùng Nàng, Suối Thầu, Hồng Thu Mông và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: số 6, số 8A, Hồng Thu Mán, thành phố Lai Châu năm 2020	Xã Nùng Nàng	0,10	0,05			0,05	
IV	Huyện Sìn Hồ (10)		124,94	3,93			121,01	40.000
IV.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		120,38	2,51			117,87	40.000
1	Đường ra biên giới đoạn từ bản Pho I - Nậm Tản Mông - Mốc 56 huyện Sìn Hồ	Xã Pa Tản	14,34				14,34	
2	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Cha, Nậm Hăn, Nậm Mạ huyện Sìn Hồ	Các xã: Nậm Cha; Nậm Hăn; Nậm Mạ	50,33	0,31			50,02	
3	Nâng cấp đường Lao Lử Đề - Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Các xã: Nậm Tăm; Tả Ngáo	2,75				2,75	
4	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 128	Các xã: Tả Ngáo; Làng Mỏ và thị trấn Sìn Hồ	52,96	2,20			50,76	40.000
IV.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		4,56	1,42			3,14	
5	Xây dựng mới ĐZ35kV Chăn Nưa - Pá Bon	Các xã: Chăn Nưa; Sả Dề Phìn; Tả Phìn	0,13	0,02			0,11	
6	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng, cải tạo đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Sìn Hồ năm 2023	Các xã: Phìn Hồ; Cấn Co; Nậm Cuối; Lùng Thàng và thị trấn Sìn Hồ	0,20	0,04			0,16	



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác	
7	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 NR Pu Sam Cáp- Nậm Hăn Lộ 372 E29.1	Xã Noong Hèo	0,07	0,04			0,03	
8	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 127-128 ĐZ Phong Thổ - Si Lờ Lầu lộ 317E29.4; Vị trí 321- 322 Phong Thổ -Sin Hồ lộ 375E29.4; vị trí 60-61 Phìn Hồ - Nậm Tăm lộ 375 E29.4)	Các xã: Tả Ngảo; Lùng Thàng	0,12	0,06			0,06	
9	Cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Các xã: Hồng Thu; Phìn Hồ; Tả Phìn, Sà Dề Phìn; Phăng Sô Lin; Tủa Sín Chải; Nậm Tăm; Nậm Cha; Pu Sam Cáp; Tả Ngảo; Pa Tần; Làng Mô; Nậm Hăn; Lùng Thàng; Ma Quai; Nậm Hăn; Chăn Nưa	3,03	1,10			1,93	
10	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: UB xã Noong Hèo, Pu Sam Cáp, Tổ Cù Phìn, Sù Tổng, Chăn Nưa 2, Sà Dề Phìn, UB xã Phìn Hồ, Hồng Thu huyện Sin Hồ năm 2020	Các xã: Noong Hèo; Pu Sam Cáp; Làng Mô; Tả Phìn; Chăn Nưa; Sà Dề Phìn; Phìn Hồ; Hồng Thu	1,01	0,16			0,85	
V	Huyện Phong Thổ (17)		101,60	4,46	8,67		88,47	77.800
V.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		101,60	4,46	8,67		88,47	77.800
1	Cải tạo, nâng cấp đường vào Đồn biên phòng Vàng Ma Chải và trung tâm xã Vàng Ma Chải	Xã Vàng Ma Chải	15,42	0,12	5,72		9,58	5.000
2	Đường hành lang biên giới đoạn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bát Xát (tỉnh Lào Cai)	Xã Sin Suối Hồ	32,95	2,85	1,90		28,20	40.000
3	Nâng cấp đường Nậm Xe - Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ (Giai đoạn 2)	Xã Sin Suối Hồ	5,60	0,04			5,56	1.000
4	Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh	Thị trấn Phong Thổ; xã Mường So	21,06				21,06	15.000



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác	
5	Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) khu KTQP Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/QK2 (xây mới đoạn tuyến từ Dền Thàng B đến bản San Cha và bản Ma Can)	Xã Đào San	6,44	0,75	0,12		5,57	3.500
6	Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) khu KTQP Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/QK2 (nâng cấp mở rộng đoạn tuyến từ bản Tả Phùng đến bản Tả Ô)	Xã Vàng Ma Chải	3,41		0,93		2,48	1.200
7	Nhà văn hóa bản Trung Chải	Xã Pa Vây Sừ	0,02				0,02	
8	Nhà văn hóa bản Pa Vây Sừ	Xã Pa Vây Sừ	0,02				0,02	
9	Nhà văn hóa bản Pờ Xa	Xã Pa Vây Sừ	0,02				0,02	
10	Nhà văn hóa bản Ngải Thầu	Xã Pa Vây Sừ	0,02				0,02	
11	Nhà văn hoá bản Nhóm 1	Xã Vàng Ma Chải	0,04				0,04	
12	Nhà văn hoá bản Nhóm 3	Xã Vàng Ma Chải	0,02				0,02	
13	Nhà văn hóa bản Xín Chải	Xã Pa Vây Sừ	0,02				0,02	
14	San gạt mặt bằng tạo quỹ đất giá quyền sử dụng đất khu vực trung tâm xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ	Xã Huổi Luông	1,35	0,40			0,95	1.750
15	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Lán Nhì Thàng	Xã Lán Nhì Thàng	0,55				0,55	200
16	Xây dựng cơ sở vật chất trường PTDTBT Tiểu học Lán Nhì Thàng	Xã Lán Nhì Thàng	0,48				0,48	150
17	Sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An (bản Mán Tiên) xã Bản Lang	Xã Bản Lang	14,20	0,30			13,90	10.000
VI	Huyện Nậm Nhùn (3)		1,14	0,24			0,90	
VI.1	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		1,14	0,24			0,90	
1	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng, cải tạo đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Nậm Nhùn năm 2023	Các xã: Nậm Manh; Nậm Hàng; Nậm Pi; Pú Dao; Hua Bùm và thị trấn Nậm Nhùn	0,57	0,12			0,45	



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác	
2	Đường dây 35kV Pa Tân - Trung Chải, tạo mạch vòng lộ 373 E29.4 với lộ 371 E29.3	Các xã: Trung Trãi; Nậm Ban	0,36	0,08			0,28	
3	Xây dựng mới ĐZ35kV Chăn Nưa - Pá Bon	Xã Nậm Pi	0,21	0,04			0,17	
VII	Huyện Mường Tè (1)		0,05	0,05				950
VII.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		0,05	0,05				950
1	Kè bảo vệ khu dân cư bản Nậm Cùm, xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	Xã Bum Nưa	0,05	0,05				950
VIII	Thành phố Lai Châu (11)		4,13	0,64			3,49	800
I.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		1,28				1,28	800
1	Nâng cấp cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong	Xã San Thành, phường Đông Phong	1,20				1,20	800
2	Trạm y tế xã San Thành	Xã San Thành	0,08				0,08	
I.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		2,85	0,64			2,21	
3	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Số 4.3, San Thành 2, Số 3, Số 4, Số 4.4, TĐC 1.1, và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Bản Đông, 4.2, Khu 2D, số 6 GĐ1, Phan Lìn, thành phố Lai Châu năm 2019	Các xã San Thành, Sùng Phài và các phường: Đoàn Kết, Tân Phong, Quyết Thắng, Đông Phong	0,23	0,05			0,18	
4	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 5.2, KDC số 1 MR, Quyết Thắng, Tả Làn Than, Phan Chu Hoa, thành phố Lai Châu	Xã San Thành và các Phường Tân Phong, Đông Phong, Quyết Thắng	0,30	0,09			0,21	
5	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Lùng Than, Bản Đông 2, thành phố Lai Châu	Xã San Thành, phường Đông Phong	0,14	0,06			0,08	
6	Cải tạo và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA Nùng Nàng, số 4, số 3, số 6, số 7, số 7A, chợ Nậm Loỏng, nghĩa trang, Quyết Tiến, thành phố Lai Châu	Xã San Thành và các phường: Đoàn kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng	0,25	0,06			0,19	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án, công trình (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Các loại đất khác	
7	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Bản Mới, Tả Sin Chải, TĐC1.1, KDC số 1 GĐ2, KDC số 2, Lao Tỷ Phùng, Sùng Phài B, Lản Nhi Thành, Nùng Năng, Suối Thầu, Hồng Thu Mông, và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Số 6, số 8A, Hồng Thu Mán, thành phố Lai Châu năm 2020	Xã San Thành và các phường: Đông Phong, Tân Phong, Đoàn Kết, Quyết Tiến	0,56	0,11			0,45	
8	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ TTDN>10%: Các TBA Pê Si Ngải, Nậm Há, Căn Ma, Ta Pung, huyện Sìn Hồ; TBA CQT5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa, huyện Tam Đường; TBA Huổi Mẩn, huyện Nậm Nhùn	Phường Quyết Tiến	0,12	0,03			0,09	
9	Công trình: 474 Phong Thổ - Mường So	Xã Sùng Phài và các phường: Quyết Tiến, Quyết Thắng	0,67	0,24			0,43	
10	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 5A, TT thương mại, 2A MR, 6 GĐ1A, 8-10, thành phố Lai Châu	Phường Tân Phong	0,22				0,22	
11	Chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 8A, Bản mới, Phan Lìn, Chợ Nậm Loỏng, TĐC 1.1, Sùng Chô, Sùng Phài, Tả Sín Chải, bản Lùng Cù, bản Cu Ty	Các xã: San Thành; Sùng Phài và các phường: Quyết Tiến; phường Quyết Thắng	0,36				0,36	
IX	Các công trình, dự án liên huyện (01)		12,50	0,32			12,18	
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		12,50	0,32			12,18	
1	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện: Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Xã Mường So, huyện Phong Thổ	12,50	0,32			12,18	



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2023

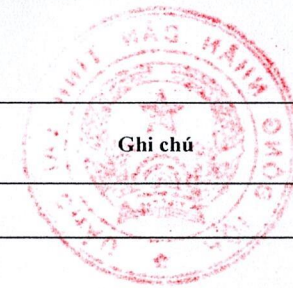
(Kèm theo Nghị quyết số **65** /NQ-HĐND ngày **09** tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Lai Châu)

STT	Đanh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến chuyên mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, công trình (ha)			Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
	Tổng cộng: 71 công trình, dự án		119,11	76,47	42,64	
I	Huyện Than Uyên (14)		6,01	5,01	1,00	
I.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		5,50	4,50	1,00	
1	Hạ tầng đô thị thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	4,70	3,70	1,00	Có Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng (không có rừng tự nhiên)
2	Nâng cấp đường Mường Kim - Tà Mung gắn với đường sản xuất khu Nà Phạ xã Mường Kim huyện Than Uyên (bổ sung diện tích)	Các xã: Mường Kim; Tà Mung	0,23	0,23		Được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 với diện tích 2,5 ha đất trồng lúa; nay đề nghị bổ sung thêm 0,23 ha (đăng ký bổ sung)
3	Đường giao thông vùng cây gỗ lớn các xã Mường Mít, Ta Gia	Các xã: Mường Mít; Ta Gia	0,04	0,04		
4	Đường giao thông vùng Quế các xã Mường Mít, Mường Kim, Ta Gia huyện Than Uyên	Các xã: Mường Mít; Mường Kim; Ta Gia	0,05	0,05		
5	Đường giao thông vùng Quế các xã Mường Kim, Ta Gia huyện Than Uyên	Các xã: Mường Kim; Ta Gia	0,15	0,15		
6	Đường giao thông vùng Chè xã Mường Kim, Tà Mung huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	Các xã: Mường Kim; Tà Mung	0,13	0,13		
7	Đường giao thông vùng Chè xã Ta Gia, Khoen On huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	Các xã: Ta Gia; Khoen On	0,10	0,10		
8	Đường sản xuất bán Noong Quài, kè sạt lở đường Huổi Cây, xã Ta Gia, huyện Than Uyên	Xã Ta Gia	0,10	0,10		
II.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		0,51	0,51		
9	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA Bản Đông, Hua Nà và mở rộng phạm vi cấp điện cho TBA Than Uyên 2.2, huyện Than Uyên năm 2019	Các xã: Hua Nà; Mường Than và thị trấn Than Uyên	0,08	0,08		Được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
10	Cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai châu	Các xã: Mường Than, Phúc Than và thị trấn Than Uyên	0,03	0,03		Được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 với diện tích 0,01 ha; tuy nhiên chưa đăng ký chuyển mục đích (đăng ký mới)
11	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Than Uyên 2.1, Sám Sầu, Ên Nọi và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA Than Uyên 1, Than Uyên 3, huyện Than Uyên năm 2020	Các xã: Phúc Than; Mường Than và thị trấn Than Uyên	0,12	0,12		Được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
12	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Bản Khoang, Bản Vè, Kẽm Quang, huyện Than Uyên năm 2020	Xã Mường Mít	0,05	0,05		Được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
13	Xuất tuyến 35kV lộ 373E29.2than uyên và cải tạo đường dây 35kV Than uyên - mường Mít	Các xã Mường Mít; Phúc Than	0,12	0,12		Được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại các Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; đăng ký bổ sung và đăng ký lại lại do quá hạn 3 năm

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, công trình (ha)			Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
14	Thủy điện Nậm Mờ 1A (bổ sung diện tích)	Các xã: Khoen On; Tà Mung	0,11	0,11		Được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 với diện tích 0,09 ha đất trồng lúa và 18,21 ha đất rừng phòng hộ; nay đề nghị bổ sung thêm 0,11 ha đất trồng lúa (đăng ký bổ sung)
II	Huyện Tân Uyên (11)		27,50	27,50		
I.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		8,40	8,40		
1	Sân vận động xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	0,20	0,20		
3	Đường tránh thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Xã Trung Đông và thị trấn Tân Uyên	7,90	7,90		
4	Xây dựng đường liên bản xã Hố Mít, huyện Tân Uyên	Xã Hố Mít	0,30	0,30		Được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 với diện tích 1,46 ha; nay đề nghị bổ sung thêm 0,30 ha do điều chỉnh ranh giới, vị trí thực hiện dự án
II.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		19,10	19,10		
5	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên năm 2023	Xã Trung Đông và thị trấn Tân Uyên	0,03	0,03		
6	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho TBA Mường Khoa 2 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Đới 6, CQT Tầng Đán, Thân Thuộc 3, TTHC2, Đới 3, Đới 5, CQT Đới 3, Hua Chăng, Tà Mít, huyện Tân Uyên năm 2019	Các xã: Mường Khoa; Thân Thuộc; Tà Mít và thị trấn Tân Uyên	0,16	0,16		Được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
7	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Pắc Lý, CQT Thân Thuộc 1, Thanh Sơn, Bản Cà, Mường Khoa 5 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Hua Ngò, TĐC Nà Cóc, TĐC Hồ Be, huyện Tân Uyên năm 2019	Các xã: Pắc Ta; Mường Khoa; Nậm Sỏ và thị trấn Tân Uyên	0,10	0,10		Được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
8	Trang trại chăn nuôi heo theo hướng công nghiệp sạch gắn liền trồng rừng bảo vệ môi trường	Xã Pắc Ta	0,03	0,03		
9	Thủy điện Nậm Mít Luông	Xã Pắc Ta	0,04	0,04		Được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/7/2020 với diện tích 6,55 ha đất trồng lúa; nay đề nghị bổ sung 0,04 ha đất trồng lúa (đăng ký bổ sung)
10	Thủy điện Phiêng Khon	Xã Mường Khoa	9,77	9,77		Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 với diện tích 8,18 ha đất trồng lúa; đăng ký bổ sung và đăng ký lại do quá hạn 3 năm
11	Thủy điện Phiêng Lúc	Các xã: Thân Thuộc; Mường Khoa; Nậm Cắn	8,97	8,97		Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 với diện tích 8,97 ha đất trồng lúa; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
III	Huyện Tam Đường (6)		7,89	7,89		
III.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		2,70	2,70		
1	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	Xã Bản Giang	2,70	2,70		Đã HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất tại Nghị Quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, tuy nhiên trong quá trình đo đạc, kiểm đếm, thực tế diện tích cần phải chuyển mục đích bổ sung thêm 2,7 ha đất trồng lúa (đăng ký bổ sung)
III.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		5,19	5,19		



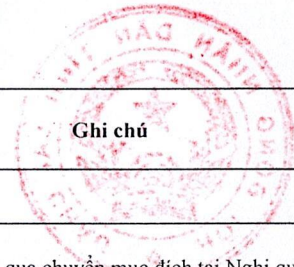
STT	Đánh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, công trình (ha)			Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu (phần mỏ tuyển)	Xã Bản Hòn	2,31	2,31		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
3	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Tái định cư, Huổi Kẹ, Tiên Bình, Cò Lá huyện Tam Đường năm 2019	Các xã: Bản Bò; Bình Lư; Sơn Bình; Hồ Thầu và thị trấn Tam Đường	0,17	0,17		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
4	Chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 8A, Bản Mới, Phan Lin, Chợ Nậm Loóng, TĐC 1.1, Sùng Chồ, Sùng Phái, Tả Sin Chải, Bản Lùng Cù, Bản cu Ty	Các xã: Nùng Nàng; Bản Giang	0,06	0,06		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
5	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Bản Mới, Tả Sin Chải, TĐC 1.1, KDC số 1 GD2, KDC số 2, Lao Tỷ Phùng, Sùng Phái B, Lán Nhi Thăng, Nùng Nàng, Suối Thầu, Hồng Thu Móng và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: số 6, số 8A, Hồng Thu Mán, thành phố Lai Châu năm 2020	Xã Nùng Nàng	0,05	0,05		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
6	Khai thác Khoáng sản sét làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ sét Hua Bó, xã Bình Lư, huyện Tam Đường	Xã Bình Lư	2,60	2,60		Đã được thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
IV	Huyện Sin Hồ (12)		23,73	12,24	11,49	
IV.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		4,43	4,43		
1	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Cha, Nậm Hăn, Nậm Mạ huyện Sin Hồ	Các xã: Nậm Cha; Nậm Hăn; Nậm Mạ	0,31	0,31		Dự án đã được thông qua thu hồi đất tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 với tổng diện tích là 30,25 ha, tuy nhiên trong quá trình đo đạc, kiểm đếm phát sinh diện tích đất lúa là 0,31 ha (đăng ký mới)
2	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Sin Hồ thuộc Công an tỉnh Lai Châu	Thị trấn Sin Hồ	1,92	1,92		
3	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 128	Các xã: Tả Ngáo; Làng Mỏ và thị trấn Sin Hồ	2,20	2,20		Đang đề xuất HĐND tỉnh bố trí kế hoạch vốn năm 2023 tại kỳ họp thứ mười hai
IV.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		19,30	7,81	11,49	
4	Xây dựng mới ĐZ35kV Chăn Nưa - Pá Bon	Các xã: Chăn Nưa; Sà Dề Phìn; Tả Phìn	0,02	0,02		
5	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng, cải tạo đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Sin Hồ năm 2023	Các xã: Phìn Hồ; Cấn Co; Nậm Cuối; Lùng Thàng và thị trấn Sin Hồ	0,04	0,04		
6	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 NR Pu Sam Cáp- Nậm Hăn Lộ 372- E29.1	Xã Noong Hèo	0,04	0,04		Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 với diện tích 0,07 ha đất trồng lúa; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
7	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 127-128 ĐZ Phong Thổ - Si Lò Lầu lộ 317E29.4; Vị trí 321- 322 Phong Thổ -Sin Hồ lộ 375E29.4; vị trí 60-61 Phìn Hồ - Nậm Tầm lộ 375 E29.4)	Các xã: Tả Ngáo; Lùng Thàng	0,06	0,06		Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 với diện tích 0,12 ha đất trồng lúa; đăng ký lại do quá hạn 3 năm



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, công trình (ha)			Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
8	Cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Các xã: Hồng Thu; Phìn Hồ; Tả Phìn, Sà Dề Phìn; Phăng Sô Lin; Tủa Sín Chải; Nậm Tăm; Nậm Chai; Pu Sam Cáp; Tả Ngáo; Pa Tân; Làng Mỏ; Nậm Hăn; Lùng Thàng; Ma Quai; Nậm Hăn; Chăn Nưa	1,10	1,10		Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 với diện tích 3,03 ha đất trồng lúa; đăng ký bổ sung địa điểm và đăng ký lại do quá hạn 3 năm
9	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: UB xã Noong Hèo, Pu Sam Cáp, Tả Cù Phìn, Sù Tổng, Chăn Nưa 2, Sà Dề Phìn, UB xã Phìn Hồ, Hồng Thu huyện Sin Hồ năm 2020	Các xã: Noong Hèo; Pu Sam Cáp; Làng Mỏ; Tả Phìn; Chăn Nưa; Sà Dề Phìn; Phìn Hồ; Hồng Thu	0,16	0,16		Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 với diện tích 0,16 ha đất trồng lúa; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
10	Thủy điện Nậm Chán	Xã Tả Ngáo	0,63	0,63		Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 với diện tích 0,63 ha đất trồng lúa; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
11	Thủy điện Suối Ngang	Các xã: Pa Tân; Hồng Thu	5,76	5,76		Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 với diện tích 5,76 ha đất trồng lúa; đăng ký lại do quá hạn 3 năm
12	Nhà máy chế biến chè và trồng chè tại huyện Sin Hồ	Các xã: Phìn Hồ; Xả Dề Phìn	11,49		11,49	Có Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng (không có rừng tự nhiên)
V	Huyện Phong Thổ (07)		8,70	6,80	1,90	
<i>V.1</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>6,30</i>	<i>4,40</i>	<i>1,90</i>	
1	Đường hành lang biên giới đoạn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bát Xát (tỉnh Lào Cai)	Xã Sin Suối Hồ	4,75	2,85	1,90	Được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất tại các Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (0,6 ha đất trồng lúa, 19,02 đất rừng phòng hộ); Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 (1,2 ha đất trồng lúa), điều chỉnh diện tích chuyển mục đích tăng diện tích đất trồng lúa, giảm đất rừng phòng hộ (đăng ký lại)
2	Nâng cấp đường Nậm Xe - Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ (Giai đoạn 2)	Xã Sin Suối Hồ	0,04	0,04		
3	Trụ sở làm việc Công an xã Bản Lang	Xã Bản Lang	0,06	0,06		
4	Đấu giá đất ở tại nông thôn	Xã Huổi Luông	0,40	0,40		
5	Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) khu KTQP Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/QK2 (xây mới đoạn tuyến từ Dền Thàng B đến bản San Cha và bản Ma Can)	Xã Đào San	0,75	0,75		
6	Sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An (bản Mán Tiễn) xã Bản Lang	Xã Bản Lang	0,30	0,30		
<i>V.2</i>	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>2,40</i>	<i>2,40</i>		
7	Thủy điện Nậm Lon	Xã Bản Lang	2,40	2,40		
VI	Huyện Nậm Nhùn (6)		17,82	2,07	15,75	
<i>VI.2</i>	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>17,82</i>	<i>2,07</i>	<i>15,75</i>	



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, công trình (ha)			Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
1	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng, cải tạo đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Nậm Nhùn năm 2023	Các xã: Nậm Manh; Nậm Hàng; Nậm Pi; Pú Dao; Hua Bum và thị trấn Nậm Nhùn	0,12	0,12		
2	Đường dây 35kV Pa Tần - Trung Chải, tạo mạch vòng lộ 373 E29.4 với lộ 371 E29.3	Các xã: Trung Trái; Nậm Ban	0,08	0,08		
3	Xây dựng mới ĐZ35kV Chăn Nưa - Pá Bon	Xã Nậm Pi	0,04	0,04		
4	Thủy điện Nậm Chà 1	Xã Nậm Chà	0,56	0,56		
5	Thủy điện Nậm Chà 2	Xã Nậm Chà	1,27	1,27		
6	Thủy điện Nậm Cuối	Xã Nậm Pi	15,75		15,75	Có Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng (không có rừng tự nhiên)
VII	Huyện Mường Tè (6)		24,99	12,49	12,50	
VII.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		0,05	0,05		
1	Kè bảo vệ khu dân cư bản Nậm Cùm, xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	Xã Bum Nưa	0,05	0,05		
VII.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		24,94	12,44	12,50	
2	Thủy điện Nậm Ma 1A	Xã Mù Cà	0,48	0,24	0,24	Có Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng (không có rừng tự nhiên)
3	Thủy điện Nậm Ma 2A	Xã Mù Cà	8,90	4,45	4,45	Có Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng (không có rừng tự nhiên)
4	Thủy điện Nậm Ma 2B	Xã Mù Cà	2,92	1,46	1,46	Có Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng (không có rừng tự nhiên)
5	Thủy điện Nậm Ma 3	Xã Mù Cà	12,50	6,25	6,25	Có Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng (không có rừng tự nhiên)
6	Đường dây và TBA 110kV đấu nối cụm thủy điện Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia	Các xã: Bum Tở; Bum Nưa; Vàng San và thị trấn Mường Tè	0,14	0,04	0,10	Có Biên bản kiểm tra hiện trạng rừng (không có rừng tự nhiên)
VIII	Thành phố Lai Châu (08)		2,14	2,14		
VIII.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		1,50	1,50		
1	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng	Các phường: Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng	1,50	1,50		Đã được HĐND thông qua chuyển mục đích tại các Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 đã thông qua 1,5 ha, số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 đã thông qua 0,23 ha và số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 đã thông qua 0,5 ha; đăng ký bổ sung là 1,5 ha
VIII.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		0,64	0,64		
2	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Số 4.3, San Thàng 2, Số 3, Số 4, Số 4.4, TĐC 1.1, và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Bàn Đông, 4.2, Khu 2D, số 6 GD1, Phan Lin, thành phố Lai Châu năm 2019	Các xã: San Thàng; Sùng Phài và các phường: Đoàn Kết; Tân Phong; Quyết Thắng; Đông Phong	0,05	0,05		Đã được HĐND thông qua chuyển mục đích tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018, đăng ký lại do quá hạn 3 năm
3	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Số 5.2, KDC số 1 MR, Quyết Thắng, Tả Làn Than, Phan Chu Hoa, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng, các phường: Tân Phong, Đông Phong, Quyết Thắng	0,09	0,09		Đã được HĐND thông qua chuyển mục đích tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, đăng ký lại do quá hạn 3 năm
4	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Lũng Than, Bàn Đông 2, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng; phường Đông Phong	0,06	0,06		Đã được HĐND thông qua chuyển mục đích tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, đăng ký lại do quá hạn 3 năm



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, công trình (ha)			Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	
5	Cải tạo và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA Nùng Nàng, số 4, số 3, số 6, số 7, số 7A, chợ Nậm Loông, nghĩa trang, Quyết Tiến, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng; các phường: Đoàn kết; Quyết Tiến; Quyết Thắng	0,06	0,06		Đã được HĐND thông qua chuyển mục đích tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, đăng ký lại do quá hạn 3 năm
6	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các TBA: Bàn Mới, Tả Sin Chải, TĐC1.1, KDC số 1 GĐ2, KDC số 2, Lao Tỷ Phùng, Sùng Phài B, Làn Nhi Thành, Nùng Nàng, Suối Thầu, Hồng Thu Mông, và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Số 6, số 8A, Hồng Thu Mán, thành phố Lai Châu năm 2020	Xã San Thàng và các phường: Đông Phong; Tân Phong; Đoàn Kết; Quyết Tiến	0,11	0,11		Đã được HĐND thông qua chuyển mục đích tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, đăng ký lại do quá hạn 3 năm
7	Giảm tổn thất điện năng cho các TBA có tỷ lệ TTDN>10%: Các TBA Pê Si Ngải, Nậm Há, Cấn Ma, Ta Pung, huyện Sin Hồ; TBA CQT5.2 thành phố Lai Châu; TBA Cốc Pa, huyện Tam Đường; TBA Huổi Mẩn, huyện Nậm Nhùn	Phường Quyết Tiến	0,03	0,03		Đã được HĐND thông qua chuyển mục đích tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, đăng ký lại do quá hạn 3 năm
8	Công trình: 474 Phong Thổ - Mường So	Xã Sùng Phài và các phường: Quyết Tiến; Quyết Thắng	0,24	0,24		Đã được HĐND thông qua chuyển mục đích tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, đăng ký lại do quá hạn 3 năm
IX	Các công trình, dự án liên huyện (01)		0,33	0,33		
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,33</i>	<i>0,33</i>		
1	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện: Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Xã Mường So, huyện Phong Thổ	0,33	0,33		Được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất tại các Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 với diện tích 0,32 ha đất lúa (điều chỉnh thành 0,33 ha)



DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Kèm theo Nghị quyết số **65** /NQ-HĐND ngày **09** tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Lai Châu)

STT	Danh mục các công trình dự án	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông	Đất chưa sử dụng	
	Tổng cộng: 171 công trình, dự án		577,779	406,340	104,812	66,627	
I	Huyện Than Uyên (06 dự án)		10,111	6,080	2,851	1,180	
1	Cầu dân sinh Pá Khoang	Xã Pha Mu	0,320	0,140	0,160	0,020	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 và số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
2	Thủy lợi Thẩm Phé - bản Hàng thuộc khu TĐC Mường Kim - Tà Mung (hạng mục bổ sung: Đường phục vụ khai thác quản lý thủy lợi Thẩm Phé - bản Hàng)	Các xã: Mường Kim, Tà Mung	1,900	0,900		1,000	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
3	Đường sản xuất khu TĐC Mường Mít (khu vực bản Khoang + Kẽm Quang) Hạng mục bổ sung: Đường sản xuất đi trên nền tuyến kênh thủy lợi Phai Ta	Xã Mường Mít	0,070	0,060		0,010	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
4	Đường bản Nam - Phiêng Mứt khu TĐC Ta Gia (hạng mục bổ sung: Đường bản Nam Phiêng Mứt kéo dài đầu nối đường sản xuất bản Mùi)	Xã Ta Gia	0,140	0,040		0,100	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
5	Trần liên hợp + Đường nội đồng bản Phường - bản Nà Mã - bản Nà Ban xã Hua Nà	Xã Hua Nà	5,050	3,760	1,240	0,050	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 8/12/2017 và các Công văn số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017, số 413/HĐND-VP ngày 07/11/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
6	Chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu giá, tái định cư và phát triển kinh tế xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	2,631	1,180	1,451		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019, số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 và số 52/NQ-HĐND, ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
II	Huyện Tân Uyên (40)		160,096	95,465	49,277	15,354	
1	Trường THCS thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,880	0,730	0,150		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
2	Đường giao thông Thèn Thầu xã Khun Há-Nậm Cung xã Mường Khoa (địa phận Tân Uyên)	Xã Mường Khoa	5,526	1,477	0,567	3,482	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
3	Trường PTDTBT Tiểu học xã Nậm Cắn, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Cắn	0,098	0,086	0,012		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
4	Trường Tiểu học số 1 bản Nà Ngò, xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sò	1,281	1,266	0,010	0,005	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
5	Cầu dân sinh Nà Còi xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	0,167	0,105	0,062		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
6	Cầu dân sinh Nậm Cườm xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Xã Trung Đồng	0,246	0,127	0,119		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
7	Cầu dân sinh Phiêng Phát xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Xã Trung Đồng	0,286	0,155	0,128	0,003	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
8	Trường Mầm non xã Hồ Mít huyện Tân Uyên	Xã Hồ Mít	0,249	0,142	0,102	0,005	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
9	Đường trung tâm xã Hồ Mít - Suối Lĩnh A - Bản Lâu - Bản Thảo A - Thảo B - Bản K2, huyện Tân Uyên	Xã Hồ Mít	9,453	6,702	2,277	0,474	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
10	Cầu dân sinh Nà Lào xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sò	0,307	0,161	0,080	0,066	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
11	Cầu dân sinh Nà Ngò xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sò	0,326	0,191	0,133	0,002	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
12	Cầu dân sinh Nậm Sò 2 xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sò	0,423	0,214	0,209		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
13	Cầu dân sinh Nà An xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	1,157	0,637	0,519	0,001	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
14	Cầu dân sinh Mường 1 xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	0,382	0,157	0,177	0,048	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)

STT	Danh mục các công trình dự án	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông	Đất chưa sử dụng	
15	Đường Quốc lộ 32 - Mít Nội - Bàn Thảo, xã Hồ Mít, huyện Tân Uyên	Xã Hồ Mít	4,666	3,672	0,346	0,648	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
16	Trường tiểu học Tà Hừ, xã Hồ Mít (điểm trường Mít Nội), huyện Tân Uyên	Xã Hồ Mít	0,656	0,293	0,359	0,004	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, NQ số 30/NQ-HĐND, ngày 8/12/2017
17	Đường Quốc lộ 32 - Thân thuộc - Nậm Cắn - Nậm Sò - Noong Hèo - Nậm Tầm - Séo Lềng thuộc địa phận huyện Tân Uyên	Các xã: Nậm Cắn, Nậm Sò	66,653	33,500	31,395	1,758	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 và NQ số 17/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020
18	Đường Quốc lộ 32 đi Tô dân phố 7, thị trấn Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	1,645	1,330	0,315		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
19	Trường tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,134	0,093	0,041		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
20	Sân vận động huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	5,900	2,142	0,394	3,364	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016, Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
21	Trường THCS Hoàng Liên thị trấn Tân Uyên huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,379	0,122	0,039	0,218	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019, Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
22	Trường tiểu học số 2 thị trấn Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,131	0,129		0,002	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
23	Đường vào cầu Nà An, xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa	1,234	1,123	0,106	0,005	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
24	Đường Bàn Lầu - Tà Hừ xã Hồ Mít, huyện Tân Uyên	Xã Hồ Mít	4,019	3,085	0,747	0,187	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
25	Mở rộng trung tâm y tế huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,181	0,067	0,010	0,104	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
26	Trụ sở tiếp công dân huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,279	0,264		0,015	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
27	Trạm y tế xã Nậm Cắn, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Cắn	0,259	0,118	0,011	0,130	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
28	Đường Nậm Sò - Ui Đạo - Ui Thái, xã Nậm Sò	Xã Nậm Sò	25,244	19,433	3,021	2,790	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
29	Sắp xếp dân cư bản Hua Ngò, xã Nậm Sò	Xã Nậm Sò	1,306	0,728	0,578		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
30	Bến xe khách huyện Tân Uyên	Xã Thân Thuộc	2,141	2,070	0,060	0,011	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 436/HĐND-VP ngày 05/11/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
31	Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại xã Pắc Ta	Xã Pắc Ta	0,418			0,418	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
32	Khắc phục khẩn cấp chống xói lở bờ suối Hua Chăng, thị trấn Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	4,057	2,254	1,387	0,416	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
33	Bãi chôn lấp chất thải rắn xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	0,301	0,200	0,028	0,073	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
34	Bãi chôn lấp chất thải rắn xã Nậm Sò	Xã Nậm Sò	0,503	0,503			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
35	Bãi chôn lấp chất thải rắn xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Phúc Khoa	0,435	0,425	0,008	0,002	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
36	Kè chống sạt lở suối Nậm Cướm, xã Thân Thuộc	Xã Thân Thuộc	6,560	1,971	4,337	0,252	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
37	Đường Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lào	Xã Nậm Sò	11,210	8,830	1,510	0,870	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016; Công văn số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
38	Trạm y tế xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sò	0,290	0,290			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
39	Xây dựng mặt bằng Trường mầm non số 2 và trường mầm non Nà Lào xã Nậm Sò	Xã Nậm Sò	0,524	0,503	0,020	0,001	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
40	Chính trang đô thị gắn với sắp xếp bố trí dân cư tại khu trung tâm hành chính huyện	Thị trấn Tân Uyên	0,190	0,170	0,020		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
III	Huyện Tam Đường (09 dự án)		15,203	11,976	2,991	0,236	



STT	Danh mục các công trình dự án	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông	Đất chưa sử dụng	
1	Cầu dân sinh bản Nà Cú xã Bản Giang	Xã Bản Giang	0,260	0,127	0,084	0,049	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
2	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Bản Bo, huyện Tam Đường	Xã Bản Bo	0,094	0,094			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 428/HĐND-VP ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
3	Đường giao thông vào bản Tả Cu Tý xã Giang Ma huyện Tam Đường	Xã Giang Ma	7,711	5,631	1,993	0,087	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 428/HĐND-VP ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
4	Cấp điện cho các thôn bản chưa có điện	Các xã: Bản Giang, Giang Ma, Hồ Thầu, thị trấn Tam Đường	0,060	0,060			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 428/HĐND-VP ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
5	Trạm y tế Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	0,239	0,201	0,037	0,001	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015; Đề nghị HĐND tỉnh chỉnh, bổ sung diện tích
6	Nhà lớp học trường mầm non trung tâm xã Nà Tăm	Xã Nà Tăm	0,407	0,406		0,001	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
7	Đường ra khu sản xuất tập trung bản Cấn Cầu xã Sùng Phái và bản Lở Thàng 1, 2 xã Thèn Sin huyện Tam Đường	Các xã: Sùng Phái, Thèn Sin	3,370	2,884	0,388	0,098	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
8	Hồ Thủy lợi Cò Lá huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	2,573	2,573			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
9	Dự án xử lý điểm đen tai nạn giao thông tại Km 76+00 và Km88+400/QL4D	Xã Sơn Bình	0,489		0,489		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
IV	Thành phố Lai Châu (22 dự án)		32,801	19,475	10,528	2,798	
1	Đường giao thông nông thôn nội đồng từ Lũng Thàng đến cầu Gia Khâu 1 (gd 3)	Xã Sùng Phái	1,009	0,648	0,361		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
2	Xây dựng đường giao thông và HTKT KDC số 6 (6A): Hạng mục đường R5 (bổ sung diện tích)	Phường Tân Phong	0,095	0,095			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
3	Nâng cấp đường từ QL4D đến trường mầm non Hoa Sen (phía sau sân vận động)	Phường Đoàn Kết	0,050		0,050		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
4	Xử lý điểm đen tại KM 38+500 QL4D, tỉnh Lai Châu	Xã San Thàng	2,486	0,850	1,613	0,023	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
5	Nâng cấp đường giao thông từ Nhà văn hóa tổ dân phố số 7 đến trụ sở của UBND phường Quyết Tiến	Phường Quyết Tiến	0,247	0,002	0,214	0,031	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 và CV số 428/HĐND-VP, ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
6	Cải tạo tuyến đường bản Gia Khâu xã Nậm Loỏng (nay là xã Sùng Phái)	Xã Sùng Phái	1,094	0,944	0,147	0,003	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
7	Khắc phục sửa chữa kênh mương từ trường Cao đẳng Cộng đồng đến cánh đồng Lũng Thàng, bản Lũng Thàng, xã Nậm Loỏng	Xã Sùng Phái	0,262	0,262			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
8	Cống thoát nước Tô 9, phường Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng	0,024	0,003	0,020	0,001	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
9	Tuyến kênh K1 khu vực sản xuất Bản Đông	Xã San Thàng	0,180	0,176	0,004		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
10	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố	Phường: Đoàn Kết, Đông Phong, Tân Phong, Quyết Thắng và xã San Thàng	8,319	5,687	2,352	0,280	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 và NQ số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và NQ số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
11	Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lai Châu	Xã San Thàng	6,717	2,689	4,028		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
12	Trường Mầm non San Thàng	Xã San Thàng	2,198	1,903	0,053	0,242	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 và CV số 428/HĐND-VP, ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)

STT	Danh mục các công trình dự án	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông	Đất chưa sử dụng	
13	Nhà văn hóa bản Phan Lin	Xã San Thàng	0,052	0,052			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
14	Nhà văn hóa Tổ 9	Phường Quyết Thắng	0,053	0,053			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
15	Xây dựng nhà văn hóa bản Thành Lập, phường Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	0,045	0,045			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
16	Trường Tiểu học Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	2,316	0,251	0,075	1,990	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
17	Xây dựng điểm du lịch bản San Thàng 1, xã San Thàng	Xã San Thàng	0,757	0,554	0,203		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 và CV số 428/HĐND-VP, ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
18	Kho dự trữ Lai Châu	Phường Quyết Thắng	0,215	0,121	0,084	0,010	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 46/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019, số 17/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
19	Nâng cấp mở rộng chợ San Thàng	Xã San Thàng	0,070	0,070			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
20	Mở rộng chợ trung tâm phường Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	0,459		0,400	0,059	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
21	Mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật giãn dân xã Nậm Loong (trong đó: đất ở 2,5ha; đất giao thông 0,5ha)	Xã Sùng Phài	1,879	1,861	0,018		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
22	Xây dựng trụ sở Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lai Châu (bổ sung diện tích)	Phường Tân Phong	4,274	3,209	0,906	0,159	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015; 41/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
V	Huyện Phong Thổ (17 dự án)		29,792	16,100	7,742	5,950	
1	San gạt mặt bằng xây dựng chợ bản Cung Mu Phin	Xã Lán Nhi Thàng	0,090	0,030	0,030	0,030	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
2	Cầu treo Vàng Ý Chí	Xã Bản Lang	0,080	0,050	0,010	0,020	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và số 41/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
3	Trường mầm non xã Lán Nhi Thàng	Xã Lán Nhi Thàng	0,430	0,390	0,020	0,020	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
4	Hạ tầng kỹ thuật và cải tạo mặt bằng bản văn hóa xã Mường So	Xã Mường So	7,210	3,610	0,820	2,780	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
5	Kè chống sạt lở bờ suối Nậm So, khu vực xã Mường So (bổ sung)	Xã Mường So	3,090	1,060	0,150	1,880	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
6	Nhà Văn hóa hữu nghị biên giới xã Huổi Luông	Xã Huổi Luông	0,200	0,090	0,110		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
7	Cầu Bê tông bản Nà Cúng	Xã Bản Lang	0,410	0,130	0,230	0,050	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
8	Trường PTDTBT THCS Pa Vây Sừ	Xã Pa Vây Sừ	0,200	0,120	0,030	0,050	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 và số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
9	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT Tiểu học số 1 Huổi Luông	Xã Huổi Luông	0,445	0,440	0,005		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
10	Di dân vùng có nguy cơ sạt lở xã Lán Nhi Thàng	Xã Lán Nhi Thàng	4,650	4,600	0,030	0,020	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018, số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 và số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
11	Nâng cấp đường Nậm Xe - Sin Súi Hồ (bổ sung diện tích thu hồi)	Các xã: Nậm Xe, Sin Suối Hồ	1,820	1,150	0,450	0,220	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
12	Trường mầm non trung tâm xã Đào San	Xã Đào San	0,250		0,250		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)

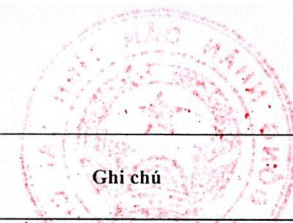


STT	Danh mục các công trình dự án	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông	Đất chưa sử dụng	
13	Trạm y tế xã Sĩ Lữ Lâu	Xã Sĩ Lữ Lâu	0,337	0,100	0,007	0,230	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 và số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
14	Trường PTDT BTH xã Mù Sang	Xã Mù Sang	0,730	0,170		0,560	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
15	Xử lý điểm đen TNGT tại Km7+00 - Km8+700/QL4D tỉnh Lai Châu	Thị trấn Phong Thổ, xã Mường So	3,780	1,210	2,530	0,040	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 và số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
16	Khắc phục sạt lở bờ sông biên giới khu vực Mốc giới 68(2) + 2400 hướng về Mốc giới số 67 địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ (giai đoạn 1)	Xã Mù Sang	1,710	0,490	1,170	0,050	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
17	Kè chống xói lở bảo vệ bờ sông biên giới Nậm Cúm khu vực Mốc giới 68(2) + 800m đến 68(2) + 1500m địa bàn xã Mù Sang, huyện Phong Thổ	Xã Mù Sang	4,360	2,460	1,900		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
VI	Huyện Sin Hồ (23)		72,425	50,320	16,585	5,520	
1	Đường bản Hay - Can Ma, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hăn	0,460		0,460		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
2	Đường từ TT xã đến bản Hay	Xã Nậm Hăn	4,460	3,620	0,840		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh bổ sung diện tích)
3	Đường Nậm Chăn - Nậm Khăm	Xã Tả Ngáo	2,850	2,270	0,580		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
4	Đường tỉnh lộ 129 - Can Tỷ II	Xã Ma Quai	1,070	0,620		0,450	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
5	Đường từ TT xã đến bản Nậm Kinh	Xã Nậm Tăm	0,308	0,308			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
6	Đường Xã Chải - Ma Quai	Xã Phăng Sô Lin	1,263	1,240	0,023		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh bổ sung chi tiết loại đất)
7	Đường ngã ba Phiêng Trạng-Na Sái	Xã Noong Hèo	0,008		0,008		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh bổ sung diện tích)
8	Đường từ trung tâm xã đến bản Đo Luông	Xã Nậm Hăn	0,512	0,367	0,145		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh bổ sung chi tiết loại đất)
9	Đường Nậm Béo - TT xã Pu Sam Cáp	Các xã: Xã Pu Sam Cáp, Noong Hèo	0,002		0,002		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh bổ sung diện tích)
10	Đường Lũng Thàng - Nậm Lúc 1 - Nậm Lúc 2, huyện Sin Hồ	Các xã: Lũng Thàng, Phăng Sô Lin	1,090		1,090		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh bổ sung diện tích)
11	Đường Nậm Khăm - Háng Lia 2 - Háng Lia 1 huyện Sin Hồ	Các xã: Tả Ngáo, làng Mô	2,270		1,850	0,420	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị Quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 và số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh bổ sung chi tiết loại đất)
12	Trường tiểu học Tủa Sín Chải, huyện Sin Hồ	Xã Tủa Sín Chải	0,020	0,020			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
13	Đường Suối Sù Tổng - Quốc lộ 12	Xã Tả Phìn	0,790		0,790		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 và số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
14	Đường Sang Sông Hồ - Tả San 1, xã Làng Mô	Xã Làng Mô	1,330	0,500	0,830		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
15	Đường Quốc lộ 32 - Thân Thuộc - Nậm Cản - Nậm Sô - Noong Hèo - Nậm Tăm - Sáo Lêng	Các xã: Noong Hèo, Pu Sam Cáp, Pa Khóa, Nậm Tăm, Nậm Cuối	34,490	34,490			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
16	Đường Lũng Sừ Phìn - Suối Ngang Thàng, xã Tả Ngáo, huyện Sin Hồ	Xã Tả Ngáo	1,400	0,600	0,700	0,100	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 (Điều chỉnh bổ sung chi tiết loại đất)
17	Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	Xã Tả Ngáo	13,335	3,535	6,120	3,680	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh bổ sung chi tiết loại đất)
18	Trạm y tế các xã: Noong Hèo, Nậm Cha, Tủa Sín Chải.	Các xã: Noong Hèo, Nậm Cha, Tủa Sín Chải	0,200	0,200			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại số 413/HĐND-VP ngày 07/11/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
19	Đường vào bản Pa Phang, xã Phìn Hồ, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu	Xã Phìn Hồ	1,670		1,540	0,130	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh bổ sung loại đất)
20	Đường từ bản Ma Quai Thàng - bản xã chải 1, xã Hồng thu	Xã Phăng Sô Lin	0,170		0,170		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)

STT	Danh mục các công trình dự án	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông	Đất chưa sử dụng	
21	Bổ trí dân cư tập trung ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao điểm bản Hua Cuối, xã Nậm Cuối, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Cuối	2,550	2,550			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 và số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
22	Đường Suối Sủ Tổng - Nậm Hải, xã Tà Phìn, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu	Xã Tà Phìn	0,287		0,287		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 và số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
23	Đường Tà Phìn - Xá Dê Phìn; Nâng cấp đường Nậm Cuối - Hua Cuối - Nậm Cọ Mông huyện Sin Hồ (bổ sung diện tích đất thu hồi)	Các xã: Nậm cuối, Cấn Co	1,890		1,150	0,740	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
VII	Huyện Nậm Nhùn (25 dự án)		94,717	66,607	9,490	18,620	
1	Bổ trí sắp xếp dân cư bản Nậm Ván Mông, xã Nậm Ban (bổ sung diện tích)	Xã Nậm Ban	14,000	14,000			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
2	Trường PTDT bán trú THCS xã Hua Bum	Xã Hua Bum	1,240	1,200		0,040	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
3	Đường Phiêng Luông Huổi Pét xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	0,097	0,079		0,018	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
4	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 (bổ sung diện tích)	Các xã	0,490	0,430		0,060	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
5	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	0,298	0,290	0,008		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
6	Xuất tuyến 110 kV sau TBA 500 kV Lai Châu	Xã Nậm Hàng	0,055	0,050		0,005	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
7	Hệ thống đường giao thông điểm sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Đanh xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	4,916	4,880	0,036		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
8	Bổ trí sắp xếp dân cư bản Nậm Cây, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	6,170	6,100	0,010	0,060	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường dây 220 kV Mường Tè - Lai Châu	Các xã: Nậm Hàng, Mường Mỏ, thị trấn Nậm	2,010	1,900	0,100	0,010	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
10	Dự án Cầu treo Nậm Pồ khu TĐC Huổi Mẩn	Xã Nậm Chà	2,560	2,560			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
11	Đường điện 35 kV tránh ngập đoạn Nậm Nhùn - Can Hồ	Các xã: Nậm Hàng, Mường Mỏ, thị trấn Nậm	0,250	0,190		0,060	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
12	Thủy lợi Pê Ngai 1+2, xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi	7,890	3,970	0,100	3,820	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
13	Dự án thành phần 5, tỉnh Lai Châu (LC:05-DAĐT2) thuộc hợp phần cầu - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương LRAMP	Các xã: Nậm Chà, Nậm Hàng, Hua Bum, Nậm Manh và thị trấn Nậm Nhùn	1,920	0,910	0,620	0,390	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
14	Đường giao thông đến bản Nậm Sẻ, xã Trung Chải, huyện Nậm Nhùn	Xã Trung Chải	2,710	1,810	0,620	0,280	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
15	Đường Pá Bon - Pá Sập - Pá Đón - Nậm Sập	Xã Nậm Pi	9,976	5,270	1,390	3,316	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
16	Nhà văn hóa Trung Chải	Xã Trung Chải	0,310	0,310			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
17	Sắp xếp ổn định dân cư bản Nậm Pi, xã Pú Đao, Huyện Nậm Nhùn	Xã Pú Đao	1,360	1,300	0,010	0,050	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
18	Nghĩa địa điểm TĐC Bản Giảng	Xã Mường Mỏ	2,530	2,500		0,030	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
19	Nâng cấp đường giao thông từ bản Nậm Manh đến bản Nậm Pồ, xã Nậm Manh	Xã Nậm Manh	14,030	5,400	4,560	4,070	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
20	Đường Trung tâm xã Hua Bum - Pa Cheo, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn (bổ sung)	Xã Hua Bum	2,640	0,360	0,020	2,260	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
21	Đường quang trường và hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (giai đoạn II), huyện Nậm Nhùn (hạng mục: Đường quang trường) (điều chỉnh, bổ sung)	Thị trấn Nậm Nhùn	2,640	1,700	0,450	0,490	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018, số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 và số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)



STT	Danh mục các công trình dự án	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông	Đất chưa sử dụng	
22	Đường GTNT từ trung tâm xã Nậm Manh đến bản Nậm Nản, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Manh	13,480	9,580	0,900	3,000	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
23	Nhà máy nước sạch huyện Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	3,040	1,770	0,660	0,610	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
24	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: TĐC Nậm Nhùn, Phiêng Luông, Pa Kéo, Nậm Ty, Nậm Nhùn huyện Nậm Nhùn năm 2019	Xã Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn	0,080	0,024	0,006	0,050	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
25	Xuất tuyến ĐZ dây 35 kV tram 110 kV thủy điện Nậm Ban	Xã Trung Chải	0,025	0,024		0,001	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
VIII	Huyện Mường Tè (29 dự án)		162,634	140,317	5,348	16,969	
1	Đường giao thông liên vùng Tả Ba - Pa Ủ	Các xã: Tả Ba, Pa Ủ	48,011	41,272	1,270	5,469	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 28/7/2016 (Điều chỉnh tổng diện tích)
2	Đường dây 35kV kết nối mạch vòng giữa lộ 375 E 21.2 Điện Biên và 371 E 29.3 Lai Châu từ vị trí 1- vị trí 32)	Xã Mù Cà	0,044	0,044			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 28/7/2016 (Điều chỉnh tổng diện tích)
3	Cụm quản lý bảo vệ rừng khu vực Mù Cà	Xã Mù Cà	0,463	0,463			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 và Văn bản số 428/HĐND-VP, ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh tổng diện tích)
4	Mặt đường, thoát nước đường giao thông đến điểm ĐCDC Xé Ma, xã Tả Tổng, huyện Mường Tè	Xã Tả Tổng	2,059	1,318		0,741	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh tổng diện tích)
5	Đường GTNT đến bản mới chia tách Nậm Tàng, Nậm Cười	Xã Vàng San	7,082	4,462	0,031	2,589	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh tổng diện tích)
6	Tiểu học Bum Nưa	Xã Bum Nưa	0,850			0,850	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 28/7/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
7	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Thu Lũm đi bản Là Si	Xã Thu Lũm	18,045	16,672	1,373		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
8	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA thị trấn Mường Tè- huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè	0,122	0,066	0,023	0,033	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
9	Cải tạo, chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA Vàng San, Nà Hè, Chang Chảo Pá, Nà Hừ, Pa Mu, Mé Giông, Mù Cà, Pa Ủ-huyện Mường Tè	Các xã: Bum Nưa, Vàng San, Mù Cà, Ka Lăng, Pa	0,022	0,015		0,007	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
10	Cầu dân sinh Huổi Han	Xã Bum Tờ	0,117	0,041	0,076		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
11	Cầu dân sinh Nậm Ngà	Xã Tả Tổng	0,359	0,164	0,123	0,072	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
12	Cầu dân sinh Nậm Ma Nội	Xã Mường Tè	0,154	0,056	0,054	0,044	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
13	Cầu dân sinh Phu Na	Xã Ka Lăng	0,188	0,117	0,071		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
14	Trường mầm non số 1 xã Tả Tổng	Xã Tả Tổng	0,359	0,044	0,315		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 428/HĐND-VP, ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
15	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Nậm Cùm, khu TĐC Mường Tè, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	Xã Mường Tè	4,427	3,822	0,074	0,531	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
16	Đường giao thông nội đồng bản Nậm Khao, khu TĐC Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Xã Nậm Khao	11,077	11,077			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
17	Đường giao thông nội đồng bản Nậm Pục, khu TĐC Nậm Khao, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Xã Nậm Khao	18,959	18,840	0,119		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
18	Đường giao thông nội khu TĐC thị trấn Mường Tè- Dự án đầu tư xây dựng thủy điện Lai Châu	Thị trấn Mường Tè	0,140	0,032	0,056	0,052	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
19	Xây dựng Trạm biến áp 220kV Mường Tè	Xã Vàng San	4,236	3,708	0,314	0,214	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
20	Nâng cos đường và mặt bằng khu phố 10 thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Thị trấn Mường Tè	0,049		0,042	0,007	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
21	Đường giao thông đến bản Sin Chải C, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè.	Xã Pa Vệ Sủ	7,155	2,331	0,597	4,227	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
22	Đường giao thông đến bản U Na, xã Tả Tổng, huyện Mường Tè.	Xã Tả Tổng	2,823	2,366	0,318	0,139	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)



STT	Danh mục các công trình dự án	Địa điểm	Diện tích điều chỉnh, bổ sung (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông	Đất chưa sử dụng	
23	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA, Pắc Ma, Thu Lũm, Nậm Dính, Gò Cừ- Huyện Mường Tè	Các xã: Thu Lũm, Mường Tè, Pa Vệ Sủ, Tà Tổng, Mù Cả, Vàng San,	0,073	0,053	0,013	0,007	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
24	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: Nà Hè, Vàng San, Huổi Cuông - Huyện Mường Tè và TBA Nhà máy giấy- huyện Nậm Nhùn.	Các xã: Vàng San, Bum Nưa	0,021	0,010	0,005	0,006	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 8/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
25	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Bản Giăng, Chang Chảo Pá, UB Pa Vệ Sủ, Phí Chi A, huyện Mường Tè năm 2019	Các xã: Mường Tè, Bum Nưa, Pa Vệ Sủ	0,017	0,012	0,001	0,004	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
26	Thủy lợi Huổi Văng Mặn, xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	Xã Bum Nưa	0,351	0,196	0,004	0,151	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
27	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn cho TBA Pắc Pa, Lê Ma, Lê Ma, Nậm Ngà và mở rộng phạm vi cấp điện cho TBA Nậm Ngà, huyện Mường Tè năm 2020	Các xã: Vàng San, Ka Lãng, Tà Tổng	0,083	0,047	0,003	0,033	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
28	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè	2,097	0,524	0,320	1,253	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND, ngày 15/9/2021 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
29	Sắp xếp ổn định dân cư 2 xã Tà Tổng và Mù Cả huyện Mường Tè	Các xã: Tà Tổng, Mù Cả	33,251	32,565	0,146	0,540	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND, ngày 15/9/2021; và Văn bản số 436/HĐND-VP ngày 05/11/2019; Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)

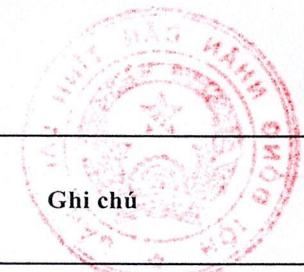
Biểu số 04



DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Kèm theo Nghị quyết số **65** /NQ-HĐND ngày **09** tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Lai Châu)

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc	
	Tổng cộng: 23 công trình, dự án		43,047	14,377	28,06	0,61	
I	Huyện Nậm Nhùn (01 dự án)		0,350	0,350	-	-	
1	Bố trí sắp xếp dân cư bản Nậm Cày, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	0,35	0,35			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017; Điều chỉnh, bổ sung diện tích
II	Huyện Phong Thổ (02 dự án)		14,62	0,41	14,21	-	
1	Đầu tư xây dựng công trình (GĐ2) Khu KTQP Phong Thổ/QK2 (Hạng mục: Đường từ trung tâm bản Sênh Sáng A đi bản San Cha đến bản Ma Can (GĐ1))	Các xã: Đào San, Tung Qua Lin	14,40	0,19	14,21		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020, Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
2	Nâng cấp đường Nậm Xe - Sin Súi Hồ (GD 1, bổ sung diện tích)	Các xã: Nậm Xe, Sin Suối Hồ	0,22	0,22			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019; Điều chỉnh, bổ sung diện tích
III	Huyện Tân Uyên (07 dự án)		5,168	4,168	1,00		
1	Cầu dân sinh Nà Ún xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên	Xã Pắc Ta	0,253	0,253			
2	Cầu dân sinh Nà An xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	0,514	0,514			
3	Cầu dân sinh Phiêng Khon xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	0,355	0,355			
4	Đường Quốc lộ 32 - Mít Nội - Bản Thào, xã Hồ Mít, huyện Tân Uyên	Xã Hồ Mít	1,178	0,178	1,00		
5	Trạm y tế xã Nậm Cắn, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Cắn	0,118	0,118			
6	Bến xe khách huyện Tân Uyên	Xã Thân Thuộc	1,15	1,15			
7	Đường Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lào	Xã Nậm Sỏ	1,60	1,60			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016; Công văn số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
IV	Huyện Sin Hồ (07 dự án)		4,30	3,69	-	0,61	



STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất (ha)				Ghi chú
			Tổng diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc	
1	Cải tạo tuyến đường Séo Lềng - Nậm Tăm (giai đoạn II)	Các xã: Nậm Tăm, Lũng Thàng, Ma Quai, Phìn Hồ	0,28			0,28	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 (Điều chỉnh bổ sung diện tích)
2	Trường tiểu học Tủa Sín Chải, huyện Sin Hồ	Xã Tủa Sín Chải	0,02	0,02			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
3	Bổ trí dân cư tập trung ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao điểm bản Hua Cuối	Xã Nậm Cuối	2,74	2,74			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh bổ sung diện tích)
4	Đường từ bản Ma Quai Thàng - bản xà chải 1, xã Hồng thu	Xã Phăng Sô Lin	0,08	0,08	-	-	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh bổ sung diện tích)
5	Đường từ Suối Sù Tổng - Nậm Hái	Xã Tả Phìn	0,33		-	0,33	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (Điều chỉnh bổ sung diện tích)
6	Đường Sang Sông Hồ - Tả San 1, xã Làng Mô	Xã Làng Mô	0,04	0,04	-	-	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại các Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
7	Đường Quốc lộ 32 - Thân Thuộc - Nậm Cắn - Nậm Sỏ - Noong Hèo - Nậm Tăm - Séo Lềng	Các xã: Noong Hèo, Pu Sam Cáp, Pa Khóa, Nậm Tăm, Nậm Cuối	0,81	0,81			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 428/HĐND-VP ngày 12/10/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất)
V	Huyện Mường Tè (02 dự án)		13,953	1,103	12,850	-	
1	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Thu Lũm đi bản Là Si	Xã Thu lũm	12,90	0,05	12,85	-	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/12/201 (Điều chỉnh tổng diện tích và chi tiết loại đất)
2	Thủy điện Pắc Ma	Các xã: Ka Lăng, Mù Cả	1,053	1,053	-	-	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2016; (Điều chỉnh, bổ sung loại đất)
VI	Thành phố Lai Châu (04 dự án)		4,656	4,656	-	-	
1	Trường THCS Đông Phong	Phường Đông Phong	0,907	0,907			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
2	Đường giao thông nông thôn nội đồng từ Lũng Thàng đến cầu Gia Khâu 1 (gđ 3)	Xã Sùng Phài	0,418	0,418			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
3	Đường Đông Pao Séo Xin Chải kéo dài (bổ sung)	xã San Thàng	0,526	0,526			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)
4	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố (Điều chỉnh, bổ sung diện tích)	Phường: Đoàn Kết, Đông Phong, Tân Phong, Quyết Thắng và xã San Thàng	2,805	2,805			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 (Điều chỉnh chi tiết loại đất, diện tích)